

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH BÌNH PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----***-----

-----***-----

Gia Lai, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Số: 777/2026/TBĐG-BP

SỞ TƯ PHÁP TỈNH GIA LAI

ĐẾN Số: 10935
Ngày: 29/4/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Quyền sử dụng đất ở thuộc các Khu, Điểm quy hoạch dân cư tại địa bàn

phường An Nhơn Nam năm 2026 – Đợt 1)

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở thuộc các Khu, Điểm quy hoạch dân cư tại địa bàn phường An Nhơn Nam năm 2026 – Đợt 1.

- Tổng số lượng các lô đấu giá quyền sử dụng đất: 59 lô.

- Tổng diện tích: 7.704,42 m².

- Tổng giá khởi điểm: **47.725.011.760 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, bảy trăm hai mươi lăm triệu, không trăm mười một nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

(Ký hiệu, vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá các lô đất có phụ lục chi tiết kèm theo thông báo đấu giá số 777/2026/TBĐG-BP ngày 29/04/2026).

2. Người có tài sản đấu giá:

Ban Quản lý phường An Nhơn Nam

Địa chỉ: 182 Lê Quý Đôn, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản :

Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú.

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, đường A2 khu TĐC Đê Đông - Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức phiên đấu giá, cụ thể:

Phiên đấu giá ngày: 19/05/2026 (Thứ 3) gồm 59 lô đất ở tại địa bàn phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai, cụ thể:

(Ký hiệu, vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục kèm theo thông báo 777/2026/TBĐG-BP ngày 29/04/2026).

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến 16 giờ 30 phút ngày **13/05/2026**.

+ Tại hội trường UBND phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai: Từ **08 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút, ngày 14/05/2026**.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Đến 16 giờ 30 phút, ngày **14/05/2026**.

- Tổ chức đấu giá: từ 07 giờ 30 phút, ngày **19/05/2026 (Thứ 3)**, tại hội trường UBND phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

5. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Tất cả các cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, có nhu cầu mua đất để xây dựng nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá; phải nộp hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ và khoản tiền đặt trước theo đúng quy định.

- Không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

- Bộ hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ, gồm các loại chứng từ, cụ thể:

+ 01 Giấy đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu Công ty ĐGHD Bình Phú phát hành);

+ 01 bản photo Căn cước công dân (hoặc sử dụng CCCD điện tử trên phần mềm VNeID);

+ 01 bản gốc/ bản photo Chứng từ nộp tiền của tiền đặt trước nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 bản gốc chứng từ nộp tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 phiếu trả giá gián tiếp (vòng 1) đựng trong bì thư, có ghi họ tên người tham gia đấu giá, tài sản đấu giá, niêm phong và ký giáp lai.

→ Các loại giấy tờ trên: bấm theo từng lô riêng biệt, bỏ vào bì thư do công ty cung cấp có ghi họ tên khách hàng tham gia và nộp vào thùng Hồ sơ khách hàng.

Lưu ý: Hồ sơ ghi đầy đủ nội dung, không được tẩy, xóa; không được sửa đổi, bấm theo từng lô và có chữ ký của người đăng ký. Nếu vi phạm, xem như không hợp lệ. Khách hàng sử dụng bút bi xanh, màu mực không thể xóa được; **Nếu hồ sơ viết bằng bút bi mờ (có thể tẩy xóa được): hồ sơ không hợp lệ.**

6. Nộp khoản tiền đặt trước tham gia đấu giá:

Tên tài khoản nộp: Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú:

- Số tài khoản: 4300000064123 tại Ngân hàng Agribank - CN Bình Định

- Số tài khoản: 522019010002 tại Ngân hàng Sacombank - CN Tam Quan

- Số tài khoản: 5819064123 tại Ngân hàng BIDV - CN Phú Tài

- Số tài khoản: 118002780120 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Phú Tài

- Số tài khoản: 9914064123 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Quy Nhơn

Lưu ý:

+ **Cách thức nộp Tiền đặt trước tham gia đấu giá: nộp riêng từng lô vào tài khoản ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh Bình Phú.**

+ Nội dung ghi trong Giấy chuyển tiền: ghi tên người tham gia đấu giá + địa điểm lô đất tại phường. (Ví dụ: Nguyễn Văn A nộp tiền đấu giá đất phường...).

Nếu không ghi nội dung tên người tham gia đấu giá và địa điểm cụ thể: hồ sơ không hợp lệ.

+ **Chứng từ nộp tiền:** nộp Bản chính hoặc bản sao;

Nếu chuyển tiền qua banking: chứng từ đó phải thể hiện Giao dịch đã thành công, Mã số giao dịch, Thời gian giao dịch, Tên người tham gia đấu giá, Địa điểm lô đất (phường);

Mỗi chứng từ nộp tiền: chỉ dùng cho 01 lô đất. Nếu trùng chứng từ nộp tiền, xem như hồ sơ các lô đất khác không hợp lệ.

+ **Phải nộp đúng số tiền Thông báo**, tất cả trường hợp không đúng số tiền Thông báo đều không hợp lệ, trừ trường hợp khách hàng có nhiều hơn 01 giấy nộp tiền, thì tổng số tiền trên các giấy nộp tiền đó phải bằng với số tiền theo Thông báo

7. Hình thức và phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp tại vòng 01 (lấy 03 mức giá cao nhất vào vòng 02) và đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá từ vòng 02 trở đi.

- Phương thức đấu giá: trả giá lên, bán riêng từng lô.

- **Quy định về giá trả tại vòng 1 (vòng bỏ phiếu gián tiếp):** Người tham gia đấu giá bắt buộc phải trả giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm nhưng phải **tròn bước giá**. (Ví dụ: giá trả = giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên).

+ **Ví dụ cách trả giá:** Lô đất số 01 – khu G có giá khởi điểm: 100 triệu đồng, bước giá: 10 triệu đồng. Người tham gia đấu giá ghi phiếu trả giá chọn ghi như sau:

* Bước giá trả cộng thêm bằng số là: 0 bước, 01 bước, 02 bước, 03 bước,...

* Bước giá trả cộng thêm bằng chữ là: khởi điểm, một bước, hai bước, ba bước,...

+ Và phải ghi đầy đủ 02 mục bằng chữ và bằng số: trong phiếu trả giá.

8. Quy định về giá trúng đấu giá:

Giá trúng đấu giá = Giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên.

9. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Liên tục kể từ ngày ra thông báo cho đến trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi tọa lạc của lô đất.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

• **Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú.**

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, đường A2 khu TĐC Đê Đông - Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

• **Ban Quản lý phường An Nhơn Nam.**

Địa chỉ: 182 Lê Quý Đôn, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

• **UBND phường An Nhơn Nam.**

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp, Sở Tài chính đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan;
- Ban Quản lý phường An Nhơn Nam – niêm yết;
- UBND phường An Nhơn Nam – niêm yết;
- Đăng tải trang thông tin điện tử công ty;
- Niêm yết, lưu Công ty.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Minh Nhã

PHỤ LỤC

ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2026 - ĐỢT 1 TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG AN NHƠN NAM

Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến ngày 13/5/2026.

+ Tại hội trường UBND phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai: Từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút, ngày 14/05/2026.

Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 19/05/2026 (Thứ 3) tại hội trường UBND phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

Stt	Lô đất (số)	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)				
1. Khu tái định cư khu vực Trung Ái, phường Nhơn Hoà										
1.1. Khu A										
1	A19	125,00	Đường Võ Nguyễn Giáp (đường gom)	16	10.500.000	1.312.500.000	40.000.000	262.500.000	200.000	
2	A20	125,00	Đường Võ Nguyễn Giáp (đường gom)	16	10.500.000	1.312.500.000	40.000.000	262.500.000	200.000	
3	A23	125,00	Đường Võ Nguyễn Giáp (đường gom)	16	10.500.000	1.312.500.000	40.000.000	262.500.000	200.000	
4	A24	125,00	Đường Võ Nguyễn Giáp (đường gom)	16	10.500.000	1.312.500.000	40.000.000	262.500.000	200.000	
5	A25	125,00	Đường Võ Nguyễn Giáp (đường gom)	16	10.500.000	1.312.500.000	40.000.000	262.500.000	200.000	
6	A26 (Lô góc)	150,10	Đường Võ Nguyễn Giáp (đường gom Đường QH ĐS4)	16, 13	12.600.000	1.891.260.000	57.000.000	378.252.000	200.000	
7	A29	150,00	Đường QH ĐS1	15	7.350.000	1.102.500.000	34.000.000	220.500.000	200.000	
8	A30	150,00	Đường QH ĐS1	15	7.350.000	1.102.500.000	34.000.000	220.500.000	200.000	
9	A32	150,00	Đường QH ĐS1	15	7.350.000	1.102.500.000	34.000.000	220.500.000	200.000	
Cộng		1.225,1				11.761.260.000		2.352.252.000	1.800.000	
1.2. Khu B										
10	B10	200,00	Đường QH ĐS1	15	7.350.000	1.470.000.000	45.000.000	294.000.000	200.000	
11	B11	200,00	Đường QH ĐS1	15	7.350.000	1.470.000.000	45.000.000	294.000.000	200.000	
Cộng		400				2.940.000.000		588.000.000	400.000	
1.3. Khu C										
12	C19	180,00	Đường QH ĐS2	15	6.300.000	1.134.000.000	35.000.000	226.800.000	200.000	
Cộng		180				1.134.000.000		226.800.000	200.000	
2. Khu dân cư Tân Hòa (Khu A5)										
13	15	168,80	Đường QH ĐS3	14	5.000.000	844.000.000	30.000.000	168.800.000	100.000	
14	16	167,90	Đường QH ĐS3	14	5.000.000	839.500.000	30.000.000	167.900.000	100.000	
Cộng		336,7				1.683.500.000		336.700.000	200.000	
3. Khu dân cư kết hợp tái định cư đường Trần Nguyên Hãn										
3.1. Khu A										
15	A10 (Lô góc)	181,02	Đường Trần Nguyên Hãn (Đường QH ĐS1) và Đường QH ĐS4	24, 16	7.188.000	1.301.171.760	40.000.000	260.234.352	200.000	
Cộng		181,02				1.301.171.760		260.234.352	200.000	



Stt	Lô đất (số)	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)				
4. Khu dân cư xóm Thọ Mỹ, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ										
4.1. Khu NO8										
16	2 (Giáp đường kỹ thuật)	206,60	Đường QH ĐS1	16; 4	5.000.000	1.033.000.000	31.000.000	206.600.000	200.000	
17	3 (Giáp đường kỹ thuật)	208,80	Đường QH ĐS1	16; 4	5.000.000	1.044.000.000	32.000.000	208.800.000	200.000	
Cộng		415,40				2.077.000.000		415.400.000	400.000	
4.2. Khu NO3										
18	7	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
19	8	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
20	9	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
21	10	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
22	11	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
23	12	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
24	13	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
25	14	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
26	15	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.500.000	594.000.000	21.000.000	118.800.000	100.000	
27	16	123,10	Đường QH ĐS2 và đường QH ĐS7	20 và 16	6.600.000	812.460.000	29.000.000	162.492.000	100.000	
28	17	123,10	Đường QH ĐS2 và đường QH ĐS3	16	6.000.000	738.600.000	26.000.000	147.720.000	100.000	
29	18	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
30	19	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
31	20	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
32	21	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
33	22	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
34	23	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
35	24	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
36	25	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
37	26	108,00	Đường QH ĐS2	20	5.000.000	540.000.000	19.000.000	108.000.000	100.000	
Cộng		2.190,2				11.757.060.000		2.351.412.000	2.000.000	
4.3. Khu NO4										
38	4	132,50	Đường QH ĐS4	16	4.500.000	596.250.000	21.000.000	119.250.000	100.000	
39	5	132,50	Đường QH ĐS4	16	4.500.000	596.250.000	21.000.000	119.250.000	100.000	
40	6	132,50	Đường QH ĐS4	16	4.500.000	596.250.000	21.000.000	119.250.000	100.000	
41	7	126,80	Đường QH ĐS4	16	4.500.000	570.600.000	20.000.000	114.120.000	100.000	
42	10	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
43	11	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
44	12	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
45	13	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
46	14	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
47	15	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
48	16	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
49	17	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
50	18	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
51	19	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
52	20	132,50	Đường QH ĐS3	16	5.000.000	662.500.000	24.000.000	132.500.000	100.000	
53	21	183,10	Đường QH ĐS3 và đường QH ĐS7	16	6.000.000	1.098.600.000	33.000.000	219.720.000	200.000	
Cộng		2.164,9				10.745.450.000		2.149.090.000	1.700.000	

19.07.00
NG TY
AU GIÁ
P DANH
NH PHÚ
7N ĐÔNG

Stt	Lô đất (số)	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)				
5. Khu dân cư khu vực Hoà Nghi (Khu C)										
54	13	102,50	Đường QH ĐS2	14	7.500.000	768.750.000	27.000.000	153.750.000	100.000	
55	14	102,50	Đường QH ĐS2	14	7.500.000	768.750.000	27.000.000	153.750.000	100.000	
56	15	102,50	Đường QH ĐS2	14	7.500.000	768.750.000	27.000.000	153.750.000	100.000	
Cộng		307,50				2.306.250.000		461.250.000	300.000	
6. Điểm tái định cư phục vụ công trình đầu nối tuyến điện 110KV sau trạm biến áp 220KV, Phước An										
57	A2	120,00	Đường QH (đường gom)	11	8.000.000	960.000.000	34.000.000	192.000.000	100.000	
Cộng		120,00				960.000.000		192.000.000	100.000	
7. Điểm quy hoạch dân cư phía tây HTX Nhơn Hòa										
58	F2	100,00	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	19	7.500.000	750.000.000	27.000.000	150.000.000	100.000	
Cộng		100,00				750.000.000		150.000.000	100.000	
8. Điểm quy hoạch dân cư Gò Phai, khu vực Phú Sơn										
59	A4	83,60			3.700.000	309.320.000	13.000.000	61.864.000	100.000	
Cộng		83,60				309.320.000		61.864.000	100.000	
Tổng cộng		7.704,42				47.725.011.760		9.545.002.352	7.500.000	



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

LÊ THỊ MINH NHÃ